

CHÍNH PHỦ
Số: 129/2022/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

NGHỊ ĐỊNH
Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực giai đoạn 2022 – 2027

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;

Để thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực giai đoạn 2022 -2027.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) giai đoạn 2022 - 2027 và điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Người nộp thuế theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
- Cơ quan hải quan, công chức hải quan.
- Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 3. Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt

1. Ban hành kèm theo Nghị định này các Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực giai đoạn 2022 - 2027 (thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt áp dụng sau đây gọi là thuế suất RCEP), bao gồm:

Phụ lục A: Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt dành cho các nước ASEAN theo quy định tại khoản 2 Điều 4 và Điều 5 Nghị định này;

Phụ lục B: Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt dành cho Ôt-xtrây-li-a;

Phụ lục C: Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt dành cho Trung Quốc;

Phụ lục D: Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt dành cho Nhật Bản;

Phụ lục E: Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt dành cho Hàn Quốc;

Phụ lục F: Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt dành cho Niu Di-lân.

2. Cột “Mã hàng” và cột “Mô tả hàng hóa” tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này được xây dựng trên cơ sở Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và chi tiết theo cấp mã 8 số hoặc 10 số.

Trường hợp Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được sửa đổi, bổ sung, người khai hải quan kê khai mô tả, mã hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu sửa đổi, bổ sung và áp dụng thuế suất của mã hàng hoá được sửa đổi, bổ sung quy định tại Biểu thuế

nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Cột “Thuế suất RCEP (%)”: Thuế suất áp dụng cho các giai đoạn khác nhau, bao gồm:

a) 2022: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 đối với các nước Bru-nây Đa-rút-xa-lam, Vương quốc Cam-pu-chia, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Cộng hoà Xinh-ga-po, Vương quốc Thái Lan, Ôt-xtrây- lia, Trung Quốc, Nhật Bản, Niu Di-lân, và khu phi thuế quan của Việt Nam; từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 đối với Hàn Quốc; từ ngày 18 tháng 3 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 đối với Ma-lay-xi-a;

b) 2023: từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 đối với các nước Bru-nây Đa-rút-xa-lam, Vương quốc Cam-pu-chia, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Ma-lay-xi-a, Cộng hoà Xinh-ga-po, Vương quốc Thái Lan, Ôt-xtrây- lia, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Niu Di-lân, và khu phi thuế quan của Việt Nam; từ ngày 02 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 đối với Cộng hoà In-đô-nê-xi-a;

c) 2024: từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024;

d) 2025: từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025;

đ) 2026: từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026;

e) 2027: từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 đến ngày 31 tháng 12 năm 2027.

4. Ký hiệu “*”: hàng hóa nhập khẩu không được hưởng thuế suất RCEP tại thời điểm tương ứng.

5. Đối với hàng hóa nhập khẩu áp dụng hạn ngạch thuế quan gồm một số mặt hàng thuộc các nhóm hàng 04.07, 17.01, 24.01, 25.01, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt trong hạn ngạch là mức thuế suất quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định này; danh mục và lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu hàng năm theo quy định của Bộ Công Thương và mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch áp dụng theo quy định tại Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan của Chính phủ tại thời điểm nhập khẩu.

Điều 4. Điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt

Hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất RCEP phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Thuộc Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Được nhập khẩu từ các nước là thành viên của Hiệp định RCEP, bao gồm các quốc gia và vùng lãnh thổ sau:

a) Bru-nây Đa-rút-xa-lam;

b) Vương quốc Cam-pu-chia;

c) Cộng hoà In-đô-nê-xi-a;

d) Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào;

đ) Ma-lay-xi-a;

e) Cộng hoà Xinh-ga-po;

g) Vương quốc Thái Lan;

h) Ôt-xtrây- lia;

i) Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc);

k) Đại hàn Dân Quốc (Hàn Quốc);

l) Nhật Bản;

m) Niu Di-lân.

3. Đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa (bao gồm cả quy định về vận chuyển trực tiếp) và có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định của Hiệp định RCEP và quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 5. Hàng hóa từ khu phi thuế quan của Việt Nam

Hàng hóa từ khu phi thuế quan của Việt Nam nhập khẩu vào thị trường trong nước được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định RCEP phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 6. Thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt

1. Hàng hóa nhập khẩu từ một nước thành viên của Hiệp định RCEP (bao gồm cả hàng hóa từ khu phi thuế quan của Việt Nam) nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định này và không có mức thuế suất RCEP khác nhau giữa các Phụ lục Biểu thuế ban hành kèm theo Nghị định này thì được áp dụng mức thuế suất RCEP tại Phụ lục Biểu thuế dành cho nước thành viên đó.

2. Hàng hóa nhập khẩu từ một nước thành viên của Hiệp định RCEP (bao gồm cả hàng hóa từ khu phi thuế quan của Việt Nam) nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định này và có mức thuế suất RCEP khác nhau giữa các Phụ lục Biểu thuế ban hành kèm theo Nghị định này thì mức thuế suất RCEP áp dụng như sau:

a) Mức thuế suất tại Phụ lục Biểu thuế dành cho nước thành viên được xác định là nước xuất xứ theo quy định hiện hành của pháp luật;

b) Trường hợp không áp dụng điểm a khoản này, người nhập khẩu được kê khai theo một trong các mức thuế suất RCEP dưới đây:

- Mức thuế suất cao nhất tại các Phụ lục Biểu thuế áp dụng cho cùng hàng hóa có xuất xứ từ các nước thành viên của Hiệp định RCEP (bao gồm khu phi thuế quan của Việt Nam) có đóng góp nguyên liệu có xuất xứ được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa nhập khẩu, với điều kiện người nhập khẩu chứng minh được thông tin kê khai;

- Mức thuế suất cao nhất tại các Phụ lục Biểu thuế áp dụng cho cùng hàng hóa có xuất xứ từ các nước thành viên của Hiệp định RCEP (bao gồm khu phi thuế quan của Việt Nam).

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

2. Đối với hàng hóa được nhập khẩu từ các nước Bru-nây Đa-rút-xa-lam, Vương quốc Cam-pu-chia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Cộng hòa Xinh-ga-po, Vương quốc Thái Lan, Ôt-xtrây-li-a, Trung Quốc, Nhật Bản, Niu Di-lân, khu phi thuế quan của Việt Nam và đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu từ ngày 01 tháng 01 năm 2022, đối với hàng hóa được nhập khẩu từ Hàn Quốc và đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu từ ngày 01 tháng 02 năm 2022, đối với hàng hóa được nhập khẩu từ Ma-lay-xi-a và đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu từ ngày 18 tháng 3 năm 2022 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, nếu đáp ứng đủ các điều kiện để được hưởng thuế suất RCEP theo quy định tại Nghị định này và nếu đã nộp thuế theo mức thuế cao hơn thì được cơ quan hải quan xử lý tiền thuế nộp thừa theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Đối với hàng hóa được nhập khẩu từ Cộng hòa In-đô-nê-xi-a và đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu từ ngày 02 tháng 01 năm 2023, nếu đáp ứng đủ các điều kiện thì được hưởng thuế suất RCEP theo quy định tại Nghị định này.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Minh Khái

- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH(2).

FILE ĐƯỢC ĐỊNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH



BIEU THUE ND
129.zip